

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 292/2022/HS-PT
Ngày: 25/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Đình Lực;
 Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
 Ông Phùng Hải Hiệp

Thư ký phiên toà: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 215/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Trần Văn Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

1. Bị cáo có kháng cáo: Trần Văn Tuấn A, sinh ngày 21 tháng 3 năm 1995; Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện T1, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B1 và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/8/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; Có mặt.

2. Ngoài ra, trong vụ án còn có: 03 (ba) bị cáo, 05 (năm) bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do quen biết nhau từ trước, nên từ đầu tháng 6/2021, các

bị cáo Đỗ Khắc T5, Trần Văn Tuấn A, Nguyễn Văn P và Tạ Ngọc Q, cùng nhau thuê một nhà trọ của ông Vũ Quang L1, sinh ngày 09/3/1974 tại thôn Đ, xã P1, thành phố T để ở chung với nhau. Các bị cáo đã chuẩn bị 02 súng điện tự chế, 02 vợt lưới, 02 bao xác rắn, 02 đèn pin, 02 thanh kiếm, 01 kìm cộng lực, công cụ này các bị cáo gửi tại nhà vợ chồng anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị T2, cùng ở địa chỉ: Thôn H1, xã N, huyện T3, tỉnh T với mục đích sử dụng vào việc bắt trộm chó, mèo của người dân ở khu vực các xã thuộc huyện T3 và huyện K, để mang về bán cho anh D và chị T2 (trong đó 02 súng điện tự chế, 02 thanh kiếm, 01 kìm cộng lực hai bị cáo Tuấn A và P đặt mua trên mạng; 02 cây vợt lưới các bị cáo tự làm; 02 đèn pin và 02 bao xác rắn lấy tại nhà anh D, chị T2). Trước khi đi trộm cắp, các bị cáo sẽ đến lấy các công cụ trên mang theo. Trong thời gian từ ngày 08/6/2021 đến ngày 11/7/2021, các bị cáo đã trộm cắp một số con chó, mèo trên đường đi và thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K và huyện T3, tỉnh T. Cụ thể như sau:

Vụ thứ 01: Đêm ngày 08/6/2021 rạng sáng ngày 09/6/2021, các bị cáo Tuấn A, P, Q và T5 sử dụng 02 xe mô tô đi từ thành phố T đến nhà anh D để lấy các công cụ dùng vào việc tìm nhà có chó, mèo để trộm cắp. Khi đi đến cửa hàng tạp hóa “Hiệu Thu” của chị Đoàn Thị T4, phát hiện cửa hàng khóa cửa bên ngoài, nên nảy sinh ý định trộm tài sản, T5 và P xuống xe, P soi đèn pin cho T5 dùng kìm cộng lực cắt khóa cửa, còn Tuấn A và Q đứng chờ và canh coi, P đi vào trong cửa hàng lấy 01 hòm tôn, 02 cây thuốc lá Thăng Long, 01 két bia (đựng 10 vỏ chai bia Hà Nội) mang ra ngoài, sau đó Tuấn A chở bị cáo P ngồi sau ôm hòm tôn, Q chở T5 ngồi sau ôm két đựng vỏ chai bia và 02 cây thuốc lá, đi đến đường 457 (đoạn cột mốc lộ giới H4/16) thì dừng lại, kiểm tra hòm tôn có 02 ví nhựa đựng tiền và thẻ điện thoại Viettel, Tuấn A cất toàn bộ thẻ vào túi áo gió, còn P, T5 và Q cùng kiểm đếm tiền lấy được tổng là 10.500.000 đồng. Các bị cáo vớt hòm tôn, két đựng vỏ chai bia xuống mương nước, cả bốn bị cáo quay về nhà anh D, chị T2 cất công cụ trộm cắp. Khi về đến nhà trọ, 04 bị cáo cùng kiểm đếm thẻ điện thoại xác định trị giá các thẻ là 2.500.000 đồng, sau đó chia đều cho nhau để sử dụng, số tiền 10.500.000 đồng chia đều mỗi bị cáo 2.500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng tiêu xài chung. Bị hại chị Đoàn Thị T4 khai mất số tiền khoảng 14 đến 15 triệu đồng, nhiều thẻ điện thoại trị giá khoảng 2.500.000 đồng; 02 cây thuốc lá Thăng Long, 01 két đựng 10 vỏ chai bia, 02 ví nhựa đã cũ không còn giá trị. Việc mua không có sổ sách, các bị cáo khai trộm cắp 10.500.000 đồng chị không có ý kiến gì. Tổng tài sản trộm cắp tại nhà chị Đoàn Thị T4 là 13.260.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 23 giờ ngày 21/6/2021, 04 bị cáo đi 02 xe mô tô đến nhà anh D lấy công cụ để đi trộm cắp tài sản. Rạng sáng ngày 22/6/2021, phát hiện nhà chị Lê Thị M có khóa cửa phía ngoài, Tuấn A và Q đứng ngoài trông coi, P soi đèn pin để T5 dùng kìm cộng lực cắt phá khóa cổng, khóa cửa, T5 và P vào trong nhà chị M lấy 01 két sắt Việt Tiệp K40, sau đó gọi Tuấn A vào hỗ

trợ kéo ra bê lên xe mô tô, Tuấn A chở P giữ chiếc két sắt, đi đến cánh đồng thuộc thôn K1, xã B2, Tuấn A và Q dùng kiếm, kìm cộng lực phá két sắt, P dùng đèn pin soi thấy bên trong có 01 ví, 02 con lợn đựng tiền tiết kiệm, 02 sổ tiết kiệm (01 sổ ghi số tiền 10.000.000 đồng, 01 sổ ghi số tiền 15.000.000 đồng) và một số giấy tờ, sau đó phá 02 con lợn bên trong có 1.225.000 đồng, sau đó vứt két, giấy tờ xuống ruộng nước ven đường, P giữ số tiền trộm cắp được chỉ tiêu chung. Bị hại chị Lê Thị M trình bày tài sản bị mất trộm trong két sắt khoảng 100.000.000 đồng, trong 02 con lợn khoảng 1.600.000 đồng, 2 sổ tiết kiệm, một số giấy tờ cá nhân. Cơ quan điều tra đã tiến hành đấu tranh, 04 bị cáo đều khai nhận két sắt chỉ có trong 02 con lợn tiết kiệm là 1.225.000 đồng, không có tài liệu nào khác xác định chị M có số tiền khoảng 100.000.000 đồng, nên chỉ có cơ sở kết luận số tiền là 1.225.000 đồng và tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được của nhà chị M là 2.175.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 23 giờ ngày 08/7/2021, 04 bị cáo đi xe mô tô đến nhà anh D lấy công cụ để đi trộm cắp tài sản. Đến rạng sáng ngày 09/7/2021, phát hiện cửa hàng tạp hóa của nhà anh Hoàng Văn L2 khóa cửa phía ngoài, Tuấn A và Q ở ngoài canh coi, P soi đèn pin cho bị cáo T5 dùng kìm cộng lực cắt phá khóa cửa vào bên trong, T5 lấy một tập thẻ điện thoại mang về phòng trọ, 04 bị cáo kiểm tra và chia nhau số thẻ nạp tiền điện thoại lấy trộm được để sử dụng, tổng trị giá là 3.500.000 đồng. Bị hại anh L2 trình bày bị mất khoảng 500.000 đồng và nhiều thẻ điện thoại tổng trị giá khoảng 16.000.000 đồng, anh L2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Cơ quan điều tra đã tiến hành đấu tranh, 04 bị cáo đều khai nhận không lấy số tiền lẻ, còn số thẻ điện thoại có trị giá là 3.500.000 đồng, anh L2 không có tài liệu nào khác xác định tổng số thẻ điện thoại là 15.000.000 đồng, nên chỉ có căn cứ kết luận số thẻ trị giá 3.500.000 đồng.

Vụ thứ 4 và thứ 5: Đêm ngày 10/7/2021, 04 bị cáo đi xe mô tô đến nhà anh D lấy công cụ để đi trộm cắp tài sản. Đến rạng sáng ngày 11/7/2021, phát hiện cửa hàng tạp hóa “TỈNH HIẾU” của ông Hà Văn T6 khóa cửa bên ngoài, Tuấn A và Q đứng ngoài canh coi, P soi đèn pin cho T5 dùng kìm cộng lực cắt phá khóa cửa, T5 và P vào lấy 01 chai rượu vang Đà Lạt và không tìm thấy tài sản gì khác; 04 bị cáo lên xe đi tiếp và phát hiện nhà của ông Nguyễn Duy L3 khóa cửa bên ngoài, Tuấn A và Q đứng ngoài canh coi, P soi đèn pin cho T5 dùng kìm cộng lực cắt phá khóa cửa, T5 vào lấy số tiền 530.000 đồng, ông L3 phát hiện hô hoán, T5, P, Tuấn A và Q lên xe mô tô bỏ chạy, P vứt chai rượu trị giá 95.000 đồng xuống bờ ruộng.

Ngoài ra, các bị cáo thừa nhận đã 03 đến 04 lần trộm cắp chó, mèo trên các tuyến đường thuộc hai huyện K, T3 và bán số chó, mèo trộm cắp được cho anh D và chị T2 nhưng không nhớ rõ ngày tháng.

Tại các Kết luận định giá tài sản, xác định: 02 cây thuốc lá Thăng Long giá 220.000 đồng; 01 két đựng 10 vỏ bia giá 40.000 đồng; 01 hòm tôn giá 105.000 đồng; chiếc két sắt giá 950.000 đồng; chai rượu vang giá 95.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Tuấn A phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Tuấn A 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 08 năm 2021. Phạt tiền bị cáo Trần Văn Tuấn A 7.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Khắc T5, Nguyễn Văn P và Tạ Ngọc Q, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/01/2022, bị cáo Trần Văn Tuấn A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị giảm nhẹ hình phạt xuống mức thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn Tuấn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; về hình phạt xử phạt 02 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung: Lời khai của bị cáo Trần Văn Tuấn A tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp lời khai của Đỗ Khắc T5, Nguyễn Văn P và Tạ Ngọc Q; lời khai các bị hại; biên bản thu giữ vật chứng, biên bản hiện trường, kết luận định giá, lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với nhận định và kết luận của Tòa án cấp sơ thẩm về hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 08/6/2021 đến ngày 11/7/2021, các bị cáo Đỗ Khắc T5, Trần Văn Tuấn A, Nguyễn Văn P và Tạ Ngọc Q đã sử dụng 02 xe mô tô, mang theo 02 súng điện tự chế, 02 vợt lưới, 02 bao xác rắn, 02 đèn pin, 02 thanh kiếm, 01 kìm cộng lực, đi trộm cắp tài sản của các hộ dân trên địa bàn

huyện K và huyện T3, tỉnh T. Các bị cáo đã dùng kim cộng lực cắt phá khóa cửa, thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản của gia đình chị Đoàn Thị T4, chị Lê Thị M, ông Hoàng Văn L2, ông Hà Văn T6 và ông Nguyễn Duy L3. Tài sản trộm cắp được bao gồm: 01 chiếc hòm tôn trị giá 105.000 đồng; 02 cây thuốc lá Thăng Long trị giá 220.000 đồng; 01 két đựng 10 vỏ chai bia trị giá 40.000 đồng. 01 két sắt trị giá 950.000 đồng; 01 chai rượu vang trị giá 95.000 đồng; các thẻ điện thoại trị giá 6.000.000 đồng và số tiền 12.755.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 20.165.000 đồng. Số tiền và thẻ điện thoại trộm cắp được 04 bị cáo chia nhau hoặc sử dụng chi tiêu chung. Với hành vi nêu trên, bị cáo Trần Văn Tuấn A đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử bị cáo Trần Văn Tuấn A theo tội danh, khoản, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với hành vi của Đỗ Khắc T5, Nguyễn Văn P và Tạ Ngọc Q đã bị xét xử và xử phạt về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử, các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị, nên quyết định bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn Tuấn A: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất an ninh trật tự tại địa phương; bị cáo lợi dụng đêm khuya, vắng, dùng kim cộng lực để cắt khóa, đột nhập vào trộm cắp tài sản, gây ra sự phiền nộ, hoang mang, dao động trong quần chúng nhân dân. Vụ án đồng phạm giản đơn, T5 có vai trò thứ nhất, Trần Văn Tuấn A, Nguyễn Văn P, Tạ Ngọc Q đồng phạm tích cực có vai trò thứ hai. Bị cáo liên tục cùng đồng phạm thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản nên bị áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Do vậy, cấp phúc thẩm đồng tình cần thiết phải có hình phạt nghiêm minh, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, để cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Trên cơ sở đánh giá khách quan, tính chất, hành vi, vai trò, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, tình hình đấu tranh phòng chống với loại tội phạm này, xử phạt bị cáo Trần Văn Tuấn A với mức án 02 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, ngoài tình tiết giảm nhẹ đã được áp dụng, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt, vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ, lập luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn Tuấn A.
2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Tuấn A 02 (hai) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2021. Phạt tiền bị cáo Trần Văn Tuấn A 7.000.000đ (bảy triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Văn Tuấn A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh T;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Đình Lực